

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2024

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Ông Lê Văn Quỳnh.
tòa: Ông Trần Xuân Thành
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Mỹ L, sinh năm 2003;

Địa chỉ cư trú: Làng N, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 2000;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Làng N, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cư trú tại: Cộng hòa liên bang Đ; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trịnh Mỹ L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/7/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với gia đình bên chồng tại làng N, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì anh L1 đi xuất khẩu lao động tại nước Cộng hòa liên bang Đ. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, nhưng sau đó thì ít liên lạc và không còn quan tâm, chăm sóc nhau cả về vật chất lẫn tinh thần. Hiện tại, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/01/2023. Hiện con đang ở với chị và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con đến lúc trưởng thành và không yêu anh Nguyễn Văn L1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trịnh Mỹ L hiện đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nhưng do bận công việc nên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L1, hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của anh Nguyễn Văn L1 là bà Trương Thị O (mẹ của anh L1) đến lần thứ hai mà thân nhân của anh L1 cũng không cung cấp địa chỉ của anh L1 ở nước ngoài cho Tòa án biết. Đồng thời, cho đến nay anh L1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bà Trương Thị O (mẹ của anh L1) trình bày: Bà là mẹ của anh Nguyễn Văn L1. Hiện anh L1 đang lao động ở nước Đức, thường xuyên liên lạc về gia đình bằng điện thoại. Do anh L1 không cung cấp địa chỉ cho gia đình nên bà không thể cung cấp địa chỉ của anh L1 ở nước ngoài cho Tòa án được. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, bà đã thông tin cho anh L1 biết việc chị L nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thì anh L1 đồng ý ly hôn nhưng không có văn bản gửi cho Tòa án. Việc anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt được xác định là cố

tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Mỹ L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1. Về con chung: Đề nghị giao cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thanh Tùng, sinh ngày 09/01/2023 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị L không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu và anh L1 chưa có ý kiến nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Mỹ L hiện đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1 hiện đang cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, anh L1 có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn anh Nguyễn Văn L1 không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L1 vẫn cố tình vắng mặt.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trịnh Mỹ L đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, bản tự khai, tài liệu cho Tòa án nhưng do bận công việc nên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị L phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu và chứng cứ mà chị đã nộp cho Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L1 thông qua người thân là bà Trương Thị O (mẹ của anh L1) gồm các văn bản:

Thông báo thụ lý vụ án; Công văn “Yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Nguyễn Văn L1”; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời, yêu cầu anh L1 trình bày ý kiến của mình về việc chị L có đơn ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh L1 cũng không cung cấp địa chỉ của anh L1 ở nước ngoài cho Tòa án biết. Về phía bà Trương Thị O trình bày: Bà là mẹ của anh Nguyễn Văn L1. Hiện anh L1 đang lao động ở nước Đức, thường xuyên liên lạc về gia đình bằng điện thoại. Do anh L1 không cung cấp địa chỉ cho gia đình nên bà không thể cung cấp địa chỉ của anh L1 ở nước ngoài cho Tòa án được. Sau khi nhận được các văn bản của Tòa án, bà đã thông tin cho anh L1 biết việc chị L nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì anh L1 đồng ý ly hôn. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 29/12/2023 và lần thứ hai vào ngày 26/01/2024 nhưng cả hai lần anh L1 đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Mỹ L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27 tháng 7 năm 2022, là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với gia đình bên chồng tại làng N, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì anh L1 đi xuất khẩu lao động tại nước Cộng hòa liên bang Đ. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, nhưng sau đó thì ít liên lạc và không còn quan tâm, chăm sóc nhau cả về vật chất lẫn tinh thần. Theo Công văn số 31990/QLXNC-P5 ngày 29/11/2023 của Cục Q, Bộ C cung cấp: Anh Nguyễn Văn L1 xuất cảnh ngày 06/9/2022 qua cửa khẩu N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hiện tại, chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trịnh Mỹ L và anh Nguyễn Văn L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Theo chị L trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung. Nay ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến lúc trưởng thành. Nguyên vọng của chị L phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định của pháp luật; vì hiện nay chị L là người trực tiếp nuôi con, còn anh L1 đang ở nước ngoài và cố tình dấu địa chỉ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L. Giao cho chị Trịnh Mỹ L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thanh Tùng, sinh ngày 09/01/2023 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Mỹ L không yêu cầu và anh Nguyễn Văn L1 chưa có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Trịnh Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trịnh Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1.
2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Mỹ L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thanh Tùng, sinh ngày 09/01/2023 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại, chị Trịnh Mỹ L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án này; dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trịnh Mỹ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị L đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004471 ngày 13/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị Trịnh Mỹ L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Mỹ L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Văn L1 có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Xuân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh